Kinh Phạm võng (Brahmajāla Sutta)

Kinh Trường Bộ (VNC PHVN, 2020)

l.KINH PHẠM VÕNG {Brahmajāla Sutto)12

Tụng phẩm I 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Rājagaha (Vương Xá) và Nālandā cung với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya, du sĩ ngoại dạo,2 cũng đi trên con đường giữa Rājagaha và Nālandā cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo. 2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikā,3 nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, cũng đên nghỉ một đêm tại Ambalatthikā, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đe tử, thanh niên Brahmadatta. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau. 3. Và khi đêm vừa mới tàn, một sô lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng: Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương

1 Xem D. L 47; m. 99; M, L 237,513; s. IV. 285; v. 419; A. v. 128; MNid. 209, 338, 444; Miln. 183; Vin. L 179; II. 284; IV. 165; Vbh. 345; Kvu. 280. Kinh tương đương trong bộ Trường A-ham kỉnh là Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088b12). Tham chiếu: Phạm võng lục thập nhị kiến kinh (roi. 002L 0264a20);Xả-lợi-phấtA-tỳđàm luận (r.28. 1548.19. 0656b19). 2 Suppiya là đệ tử của Sañjaya. Quan điểm của vị này sẽ được bàn luận trong kinh tiếp theo.

3 Ambalatthikā. Vin. II. 287; D. I. l viết đây là ngự uyển có nhà nghỉ bên trong giữa Rājagaha và Nājandā. Đức Phật và chư Tăng trên đường du hóa thường dừng chân nghỉ ngơi tại khu vươn này. Trong DA. L 41-2, Buddhaghosa noi răng khu vươn nay năm gân cong thành, co ho nước, mat me do bong ram cua nhiêu cay xoài nho. Xung quanh khu vườn có hàng rao, trong khuôn viên có một nhà nghỉ được trang trí nhiều bức tranh về đời sông vương giả của nhà vua.

2 KINH TRƯỜNG BÔ

tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau limg Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. 4. Lúc

bấy giờ, Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăngệ, liên đên tại gian nhà hình tròn và ngôi xuống trên chô đã soạn săn. Sau khi ngôi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các ngươi ngồi họp tại chỗ này? vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong? Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, tại dây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: “Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tồn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thê Tôn và chúng Ty-kheo?9 Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến. 5. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi chớ có vì vậy sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các ngươi. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi công phẫn và phiền muộn, thời các ngươi có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng? Bạch Thế Tôn, không thể được. Này các Tỷ-kheo? khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi.59 6. Này các Tỷ-kheo9 nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các ngươi không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các ngươi hoan hỷ, vui mừng và thích thú, thời sẽ có hại cho các ngươi. Này các Tỷ-kheo? nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các ngươi hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật; như thế này, điểm này chính xác; việc này có giữa chúng tôi; việc này đã xảy ra giữa chúng tôi?5

1. KINH PHẠM VÕNG 3

Tiểu giới 7. Này các Tỷ-kheo, thật sự chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Này các Tỷ-kheo? thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai? 8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biêt tàm quý, có lòng từ, sông thương xót đên hạnh phúc của tát cả chúng sanh và loài hữu tình. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lây những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sông thanh tịnh không có trộm cướp. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là

những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. 9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo; nói những lời chơn thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đoi với đời. Này các Tỷ-kheo9 đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói với những người kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này các Tỷ-kheo^ đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiêu người, vui lòng nhiêu người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Này các Tỷ-kheo? đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ,4 nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Này các Tỷ- kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. 10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ. Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm? từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Sa-môn Gotama từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Sa-môn Gotama từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Sa-môn Gotama từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận vàng và bạc. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận các hạt giống.

4 Samphappalāpā. Xem A. II. 23; J. VI. 295.

Sa-môn Gotama từ bỏ nhận thịt sông. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận đàn bà, con gái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận cừu và dê. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận gia câm và heo. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Sa-môn Gotama tư bỏ bảo người môi giới hoặc tự mình làm môi ệiới. Sa- môn Gotama từ bỏ buôn bán. Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận băng cân, tiền bạc và đo lường. Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Sa-môn Gotama từ bỏ? không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Trung giới 11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như các ệiống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giông từ đót cây sanh, giống từ chiêt cây sanh và thứ năm là hạt giông từ hạt giông sanh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không làm hại hạt giống hay cây cối nào. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng đường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cat chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ? cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ

cất chứa các vật trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 13. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vinh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi săt5 trò chơi sào tre, mãi võ? đâu voi, đâu ngựa, đâu trâu, đâu bò đực, đâu dê, đâu cừu, đâu gà, đâu chim cun cút, đâu gậy, đâu quyên, đâu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chơn chánh như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên khônệ, trò chơi trên đát, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ roi chụp nhimg không cho sụp đong the, chơi xúc xác, chơi khăng, lay tay lam Viet, chơi banh, chơi thoi ken băng lả, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn Sa-mon Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một sô Sa-môn, Bà-la-môn dâu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tam nhiều màu, chăn len trăng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mên băng lông thú cả hai phía, mên băng lông thú một phía, mên có đính ngọc, mên băng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bang da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bang da con nai có bộ da quý (kadali), tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 16. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ? không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 17. Trong khi một số Sa-môn? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn sông nói những câu chuyện vô ích, tâm thường như câu chuyện vê vua chúa, câu chuyện vê ăn trộm, câu chuyện vê đại thân, câu chuyện vê binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện vê chiên tranh, câu chuyện vê đô ăn, câu chuyện vê đô uông, câu chuyện vê vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thi tứ, câu chuyện về thành phố. câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà. câu chuyện về vi anh hùng, câu chuyện bên le đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết,

các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn song bàn luận tranh chấp, như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bi bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

6 > KINH TRƯỜNG Bô

19. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vi Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn? cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia" còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ? không cho đưa các tin tức và không tự đứng làm môi giới. Này các Tỷ-kheo? như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 20. Trong khi một số Sa-môn5 Bà-la-môn dàu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý? gièm pha, lấy lợi cầu lợi; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không lừa đảo và không siểm ninh như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Đại giới 21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, r chiêmr tướng, triệu r* r tướng, tJ mộng . tướng, y thân r \ tướng, v dấu chuột cắn. tê lửa. tê muông, tê vỏ lúa, tê tâm, tê gạo, tê thúc t6, tê dâu, dùng miệng phun hột cải, v.v... vào lửa, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bọ cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Này các Tỷ-kheo? như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 22. Trong khi một số Sa-mon, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng áo quần, tướng que gậy, tướng gươm kiêm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ? tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng rùa, tướng thú vật; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Nhu Lai. 23. Trong khi một số Sa-mon? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước

vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thăng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ

1. KINH PHẠM VÕNG 7

CÓ nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh dạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động dát, sẽ có sâm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có két quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có két quả như thê này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này? các tinh tu đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như the này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đát sẽ có kết quả như thế này; sam trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ5 sáng sẽ có két quả như thê này; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi song bằng những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo9 như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 25. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thơ, làm theo thế tình; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 26. Trong khi một số Sa-mon5 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng I D dường, D vẫn còn tự z• nuôi sống D bằng những .De D tà mạng • ơ như sắpr đặt ngày Q J lành đê đưa rước dâu hay rê, lựa ngày giờ tót đê hòa giải, lựa ngày giờ tót đê chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú đê giúp người được may măn, dùng bùa chú đê khiên người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiên quai hàm cử động, dùng bùa chú khiên cho tai bị diêc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa5 phun ra lửa, cầu Siri thần tài; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn tự nuôi sông băng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thinh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho XÔ, bài tiêt các nhơ bân vê phía trên, bài tiêt các nhơ bân vê phía dưới, tây tinh trong

đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc măt5 thoa dâu cho măt5 chữa bịnh đau măt5 làm thây thuôc mô xẻ, chữa bịnh cho con nít, cho uông thuốc làm băng các loại rê cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

8 KINH TRƯỜNG Bô

Này các Tỷ-kheo, đấy là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai. Xong Đại giới 28. Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mơi nhận hiểu. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. Wcác Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không the nhận hiếu bởi luận lý suông, te nhị, chỉ những người tri mơi co the , nhân • niêu. Nhưng ± ay. D ynnaD J Như Lai đa tự chứng; tri." C? giác ngo C? • va tuyên thuyêt. Chính những pháp áy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến? Sáu mươi hai loại tà kiến 29. Nàỵ các Tỷ-kheo, có những Sa-mon, Bà-lamôn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ay y chỉ gì5 căn cư gì luân bàn vê quá khứ tôi sơ, châp kiên vê quá khứ tôi sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp? 30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường cBn" với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ tnrơng “Thuơng tru luan9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp? 31. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiêu đời sông quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bôn đời, năm dời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trâm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hàng trăm đời, hàng ngàn đời. hàng trăm ngàn đời, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sông với tên như thê này, dòng họ như thê này, giai cap như thê này, ăn u6ng như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chét di, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế nàỵ5 dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chét đi, tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói răng: uBản ngã và thê giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chung vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cân mẫn, nhờ không phóng dát, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyên luân hôi, chét đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."

1. KINH PHẠM VÕNG 9

- £ ve Y, = Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ nhát, y chỉ theo đó9 căn cứ theo đó, một số vị Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương "Thường tru luân”chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn. 32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Thương trú luān,95 chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn? Này các Tỷ-kheo? ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp,... mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã s6ng với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cáp như thê này, ăn uông như thê này, lạc thọ khổ thọ như thê này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyên luân hôi, chét đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.,, Nay các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương “Thương trú man”, chấp rằng bản ngã và thê giới là thường còn. 33. Trường hợp thứ ba, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Thương trú luān9\ cho răng bản ngã và thê giới là thường còn? Này các Tỷ-kheo? ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ây nhớ được nhiêu đời sông quá khứ như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiêp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy5 tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết di, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thê này. Từ chỗ kia chết di, tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bát sanh, vững chắc như đỉnh núi. như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lim chuyên luân hôi, chét đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường tru. Tại sao vậy? Vì rang tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ nay?9 Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ây nói: "Bản ngã và thê giới là thường trú, bát sanh, vững chác như đỉnh núi, như trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú?5 Này các Tỷ-kheo? đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó; một số Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương "Thương trú luan9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

10 < KINH TRƯỜNG Bô

34. Trường hợp thứ tư, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Thương trú man”chấp bản ngã và thế giới là thường còn? Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vi này r • •X e • * r L 7 tuyên bô như thê này: "Bản ngã và thê giới là thường tru, bát sanh, vững chác như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại

hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. "5 Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo d6, một SÔ Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Thuơng trú luan,?5 chập bản ngã và thê giới là thường còn. 35. Này các Tỷ-kheo5 những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương 'Thường tru luận9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương "Thuơng trú luân", chap rằng: "Bản ngã và thế giới là thường cbn”họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vạy. chap thu như vạy sẽ đưa đen những cõi như vạy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai biết như vậy, lại biết hơn the nữa, và không châp sở tri áy. Nhờ không chap trước sở tri ay5 nội tâm chứng được tịch tịnh.567 Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo? Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 37. Những pháp ấy, này các Ty-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhi, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp áy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp áy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm II 38. Này các Tỷ-kheo9 lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luan^, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đoi với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác với bôn luận châp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ây y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Một phần thuơng trú luận, một phần vô thường luan^, chấp bản ngã và the giới là thường còn đoi với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp? 39. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rát lâu, thê giới này chuyên hoại. Trong khi thê giới chuyên hoại, các loại

5 Xem Tụng phẩm III. 89, 95. 6 Xem Sum. 182; MA. 188, 251, 252, 422; s. I. 9, 10, 117; III. 54; 4 II. 198; Sn. 611, 906; Miln. 96, 347. 7 Niết-bàn.

hữu tình phần lớn sanh qua cối Ābhassarā (Quang Âm thiên), ở tại đấy, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằnệ hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sông như vậy một thời gian khá dài. 40. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó5 sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhimg trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài. 41. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!" Lúc bay giờ, các loài hữu tình khác,

hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận. bi mệnh chung và từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. 42. Lúc bấy giờ? này các Tỷ-kheo9 vị hữu tình đầu tiên sanh ra [ở Phạm cung], nghĩ rằng: “Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh.8 Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: 'Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này/ Chính do sở nệuyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này.” Các loài hữu tình đen sau cũng nghĩ như thế này: “Vj ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chil, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sạo vậy? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau." 43. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đâu tiên ây sông được lâu hơn, sác tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sông ngăn hơn, sác tướng ít tót đẹp hơn và được ít quyên hơn. 44. Này các Tỷ-kheo5 sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy? sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ càn mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập đinh. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sốĩiệ ấy. Vị ấy nói rằng: “Vj kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Toi thắng, Biến nhãn,

8 Trong bài kinh này nói về Phạm thiên Baka. Câu chuyện về Phạm thiên Baka được đề cập ba lần trong M. L 326-331; 5. L 142-44; J. IV. 405.

12 KINH TRƯỜNG Bô

Thượng tôn, Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên co, thường tru, không bi chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yểu thọ và chiu sự biến djch." Này các Tỷ-kheo? đó là trường hợp thứ nhất, ỵ chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phân thường tru luận, một phân vô thường luân", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. 45. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn9 Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương uMột phần thuơng trú luận, một phần vô thường luận5\ chấp bản ngã và thê giới là thường còn đôi với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác? Này các Tỷ-kheo5 có hạng chư thiên gọi là Khiddāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hy tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hy tiếu dục lạc nên bi thất niệm. Do thất niệm, chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng. 46. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các

loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, song không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vi ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không ph6ng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập đinh, vị ây nhớ đên đời sông quá khứ ây chớ không nhớ xa hơn đời sông ấy. Vị ây nói rằng: "Chu thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hy tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hy tiếu dục lạc nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm nên chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hy tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hy tiếu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này.” Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó5 căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luan9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. 47. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Một phần thuơng tru luận, một phần vô thường luận,\ chấp bản ngã và the giới là thường còn đoi với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có hạng chư thiên gọi là Manopadosikā (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Họ song lâu ngày nung nau bởi sự đo kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể này của họ. 48. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đên tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy nhimg không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, những vị ấy sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí của các vi ấy không oán ghét nhau. Vì tâm trí các vị ấy không oán ghét nhau nên thân các vi ấy không mệt mỏi, tâm các vi ấy không mệt mỏi. Những hàng chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của mình, sống thường hằng kiên cố5 thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trươiig "Một phần thuơng trú luận, một phần vô thường luān9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và

vô thường đối với một hạng hữu tình khác. 49. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Một phần thuơng trú luận, một phần vô thường man", chấp bản ngã và thê giới là thường còn đôi với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác? Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố? không thường trú, bi chuyển biến. Cái gọi là tâm, là y, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mai." Này các Tỷ-kheo5 đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó5 căn cứ theo đó, một so Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường man", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác. 50. Này các Tỷ-kheo9 những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương

14 KINH TRƯỜNG Bô

aMột phần thường tru luận, một phần vô thường luān,5? chấp bản ngã và thế giới là thường còn đoi với một h@ng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Nêu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ truông uMột phần thường trú luận, một phân vô thường luan9\ chấp bản ngã và thê giới là thường còn đôi với một hạng hữu tình này và vô thường f y r

đôi với một hạng hữu tình khác, vi ây sẽ châp cả bôn luận châp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 51. Này các Tỷ-kheo, Nhu Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cối như vậy, sẽ tác thành những đinh mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thê nữa, và không chấp sở tri ấy. Nhờ không châp sở tri ây, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 52. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ây, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 53. Này các Tỵ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận5\ chấp thế giới là hữu biên hay vô biên với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luan,9, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp? 54. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không J)hóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập đinh. Khi tâm nhập đinh, vị ấy song ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh. Vì sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mân, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó, tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh." Này các Tỷ-kheo5 đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo

đó, căn cứ theo đó? một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên. 55. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì5 căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luân", chấp thế giới là hữu biên hay vô biên? Wcác Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tân, nhờ cân mân, nhờ kh6ng phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ây sông ở trong đời với tư tưởng thê giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới ny là vô biên, không có giới hạn. Những vị Sa-môn, Bà-la- môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh', những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.

1. KINH PHẠM VÕNG 15

Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sông với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.”’ Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sâ-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên. 56. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu biên, vô biên luān9\ chấp thế giới là hữu biên hay vô biên? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật5 nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vi ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh' thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn', thì những vị ây nói khôn^ đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì răng, tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tan, nhờ can mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niêm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên vê phía bê ngang. Do vậy tôi biết: 'Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên.5,5 Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, cân cứ như vậy5 một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận,\ chấp thế giới là hữu biên vô biên. 57. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luận,59 chấp thế giới là hữu biên vô biên? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biên bác của suy luận và sự tùy thuận theo tham sát, vị này tuyên bo như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn9 Bà-la-mon nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có giới hạn xung quanh', những vị ây nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn, những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên\ những vị ây cũng nói không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô bien?9 . 58. Nàyr các Tỷ-kheo, T e -y í những Sa-môn r hay k g Bà-la-môn này " chủ trương __ ~ "Hữu biên, vô biên luận,, với bôn luận châp. Nêu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hữu biên, vô biên man", chấp thế giới là hữu biên vô biên, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

16 > KINH TRƯỜNG BÔ

59. Này các Tỵ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy. chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi như vậy. sẽ tác thành những định mạng như vậy.59 Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 60. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo9 là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 61. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận,9. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, họ dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Nguy biện luān9\ khi bi hỏi vân đê này hay vân đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp? 62. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: “Dây là thi.n”, không như thật biết: "Đây là bất thiện.Vi ấy nghĩ: "T6i Idiông như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bát thiêng và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện\ hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện\ do như thật biết: 'Dây là thiện\ do như thật biêt: 'Đây là bát thiện5, thời tôi nói dôi. Nêu tôi nói dôi thì tôi bị phiên muộn. Nêu tôi bị phiên muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi.,, Như vậy, vì sợ nói dối, vì chán ghét nói dối nên vị ấy không trả lời: "Đây là thi^rT, cũng không trả lời: "Bây là bất thiện.Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo? đó là trường hợp thứ nhát, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-mon, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luān^, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn. 63. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn ỵ chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Nguy biện luân”, khi bị hỏi vân đê này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Dây là thi§n”, không như thật biết: "Đây là bất thiên." Vị ấy nghĩ: "Tôi Idiông như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bát thiện\ và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện9, hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện9, do như thật biết: 'Đây là thiện5, do như thật biết: 'Đây là bất thiện\ thời dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi. Nêu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thê chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ thì tôi bi phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời

1. KINH PHẠM VÕNG 17

thành một chướng ngại cho tôi?9 Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện,\ cũng không trả lời: "Đây là bất thie” Khi bi hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Nguy biện luận,\ khi bị hỏi đến vấn đề này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uôn như con lươn. 64. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa>môn hay Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện luan^, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Đây là thi”,không như thật biết: "Bây là bất thiện.„ Vị ấy nghĩ: "Tôi Idiông như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bát thiện\ và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện\ hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện9, do như thật biết: 'Đây là thiện\ do như thật biết 'Đây là bất thiện\ thì có những Sa-môn, Bà-la-môn bác học, tinh thông, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc; những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ, họ có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu họ đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi? tôi có thể không giải đáp được cho họ.9 Nếu tôi không giải đáp được cho họ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bi phiền muộn thời thành một chướng ngại cho t6i." Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách nên vị ấy không trả lời: "Dây là thiện5\ cũng không trả lời: "Đây là bất thiện?9 Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: “T6i không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo5 đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận95, khi bị hỏi vấn đề này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uôn như con lươn. 65. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện man”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn đần độn ngu si. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời ngụy D• biện • trườn uốn như con lươn: . ""Anh hỏi tôi có một thế giới khác hayJ không?9 Nếu tôi nghĩ: 'Có một thế giới khác, tôi có thể trả lời với anh: 'Có một thế giới khác/ Nhung tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không

9 Sampãyati. Tham khảo M. L 85, 96, 472; Vỉn. III. 317.

nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Không có một thế giới khác phải không?9 Nếu tôi nghi: 'Không có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Không có một thế giới khác/Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không

không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Cũng có và cũng không có một thế giới khác?5... 'Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?\.. 'Có loại hữu tình hóa sanh?\.. 6Không có loại hữu tình hóa sanh?5... 'Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?\.. CCÓ kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?5... 'Không có kết quả di thục của những nghiệp thiện và ác?\.. 'Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?\.. 'Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thục của những ïiệhiệp thiện và ác?\.. 'Như Lai có tồn tại sau khi chết?5... 'Như Lai không có tôn tại sau khi chét?9... 'Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?9... 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết? Anh hỏi tôi như vậy, nếu tôi nghĩ: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết', tôi có thể trả lời: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy? căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Nguy biện luan^, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn. 66. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luân", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Ngụy biện man”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uôn như con lươn, họ sẽ châp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn the nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo? Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ây, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thây, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhi, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

1. KINH PHẠM VÕNG « 19

67. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “V6 nhân luân", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương66Vô nhân luận9\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh? 68. Này các Tỷ-kheo? có chư thiên gọi là Vô Tưởng Hữu Tình. Khi một tưởng niệm khởi lên, thời chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư thiên của mình. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vi ây xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm

nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh chớ không nhớ xa hơn nữa. Vi ấy nói: uBản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình,^, Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhát, y chỉ như vậy5 căn cứ như vậy, một số Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương UVÔ nhân luān,9? chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. 69. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì5 căn cứ gì chủ trương 64Vô nhân luận^, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát5 vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương 64Vô nhân luān9\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. 70. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Í6VÔ nhân luân", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "V6 nhân 11", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, họ sẽ chấp cả hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri,

giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây9 những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 71. Này các Tỷ-kheo5 những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tôi sơ, chập kiên vê quá khứ tôi sơ, y cứ vê quá khứ tôi so, đê xướng nhiêu ý kiên sai khác với mười tám luận chập trên.10 Này các Tỵ-kheo, nêu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn vê quá khứ tôi sơ, chân kiên vê quá khứ tôi SO, y cứ vê quá khứ tôi sơ, đê xướng nhiêu ý kiên sai khác, họ sẽ chập cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 72. Này các Tỵ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn the nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 73. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 74. Này các

Tỷ-kheo? có một số Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì luận bàn vê tương lai, châp kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiêu ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp? 75. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết" với mười sáu luận chấp? 76. Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng." Họ chủ trương: "Bản ngã không có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng."... "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc..."..."Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc..."Bản ngã là hữu bi6n..."..."Bản ngã là vô biên...5\.. uBản ngã là hữu biên và vô bi^Ịì..."Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên..?9; "Bản ngã là nhất tưởng."Bản ngã là dị tưởng...':... "Bản ngã là thiểu tưởng..."...:Bản ngã là vô lượng gròng..."..."Bản ngã là thuần lac../9... "Bản ngã là thuần kh8.."... "Bản ngã là khổ lac..." Họ chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng.,,

10 Xem Tụng phẩm L 1. 29.

1. KINH PHẠM VÕNG « 21

77. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", họ sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.,, Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo5 Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm III 78. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chét", châp bản ngã không có tưởng sau khi chét với tám luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết"chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp? 79. Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng"... "Bản ngã không có sắc."Bản ngã có sắc và cũng không có sắc."B2n ngã không có sắc và cũng không không có sắc..."..."Bản ngã là hữu biên...99... :Bn ngã là vô bien...,\.. "Bản ngã là hữu biên và vô biên..?9 Những vị này chấp: "Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng." 80. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay

Bà-la-môn này chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy?5 Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn the nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các

thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo5 là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luân lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ây9 những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 81. Này các Tỷ-kheo5 có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết”chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận châp? 82. Những vị này chấp: uBản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng".."Bản ngã là vô sắc..?9... "Bản ngã có sắc và cũng không có săc...,\.. uBản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc."Bản ngã là hữu biên..?9... "Bản ngã là vô biên...,\.. "Bản ngã là hữu biên và vô biên..?9 Những vi này chấp: "Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.,, 83. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp. Này các Tỷ-kheo5 nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo? Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến* ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.^, Như Lai tuệ tri như vậy? lại tuệ tri hơn thê nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Nhu Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 84. Này các Tỷ-kheo? có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận,\ chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Và những Sa-môn,

Bà-la-môn này y chỉ gi, căn cứ gì chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mát, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp? 85. Này các Tỷ-kheo5 có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý

kiên: "Vi bản ngã này có săc9 do bôn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chét không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy, một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu mất và sự hủy hoại của loài hữu tình. 86. Một vị khác lại nói: uNày ông, thật có bản nệã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thê không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi than hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 87. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhimg bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ây như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 88. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tưởng, diệt trừ các tưởng chống đối, không ức niệm các dị tưởng, nhận hiểu: Hư không là vô biên, đạt đến Không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt.55 Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 89. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản nệã khác vượt ngoài tất cả Không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên, đạt đen Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 90. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhinig bản ngã ấy như the không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản nệẫ khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ; nhận hiểu: Không có sở hữu, đạt đen Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như the hoàn toàn đoạn

diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu, đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ây như thế hoàn toàn đoạn diệt.99 Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 91. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chủ trương "Đoạn diệt luận,\ chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình, họ chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 92. Này các Tỵ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cối như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 93. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luān9\ chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Những Sa-môn hay Bà-la-môn này y chỉ gì? căn cứ gì chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận,55 chấp sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp? 94. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: “Khi nào bản ngã này tận hưởng sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết-bàĩi của loài hữu tinh." 95. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhimg bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niet-bàn. Vì cớ sao? Vì rằng tính của dục lạc là vô thuơng, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa nên sầu, bi, kho, ưu, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp,

đạt đến và an trú vào Thiền thứ nhất; thiền định này có tầm có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niet-bàn,^, Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 96. Một vị khác lại nói: “Này ông5 thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhimg bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, thiền định ấy có tầm có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy diệt tầm và tứ, đạt đến và an tni Thiền thứ hai; thiền định này nội tâm y^ên tinh, trí chuyên

nhất cảnh, không tầm không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niếtbàn." Chính vậy, có người chủ trương tôi thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 97. Một vị khác lại nói: 6aNày ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ5 trú xả, chánh niệm, chánh trí. thân hưởng lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, đát đên và an trú Thiên thứ ba. Như thê, bản ngã ây đạt đên tôi thượng hiện tại Niêt-bàn.,, Chính vậy, có người chủ trương tôi thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 98. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhimg bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an tru vào Thiền thứ tư; thiền này không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn?9 Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 99. Này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-mon ấy chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận,\ chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Này các Tỷ-kheo? nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luān,9, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tinh, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luân lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ây, Như Lai tự chứng tri, giác

ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 100. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chân. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn vê tương lai, chập kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiều sở kiến sai khác, họ sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Ty-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những đinh mạng như vay?9 Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo5 Như Lai được giải

thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận chập. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn vê quá khứ tôi sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn ve quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy5 chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những đinh mệnh như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ây, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thây, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đên. 101. Này các Tỷ-kheo? những Sa-mon hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. 102. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về

1. KINH PHẠM VÕNG q 27

quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai? chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, họ sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 103. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khỏi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 104. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Kết luân 105. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thuơng tru luân", chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn9 là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái

chi phoi. 106. Này các Tỷ-kheo. ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Một phan thường trú luận, một phân vô thường man", chập bản ngã và thê giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bon luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 107. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận?\ chấp thế giới là hữu biên vo biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 108. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận95. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy. sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bi tham ái chi phôi. 109. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “V6 nhân man", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp.

28 KINH TRƯỜNG Bô

Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 110. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, ch kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà- la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vi bị tham ái chi phối. 111. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tưởng luận sau khi chef9, chấp bản ngã có tưởng sau khi chét với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn9 là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 112. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bi tham ái chi phối. 113. Này các Tỷ-kheo9 ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi cht", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chét với tám luận châp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn9 là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 114. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-mon hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận9^ chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phôi. 115. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn man”? chấp trước sự tối

thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vi bị tham ái chi phôi. 116. Này các Tỷ-ỉdieo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai. chấp kiến về tương lai. y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bôn mươi bôn luận chap. Chủ trương áy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 117. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-mon hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ. luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai. chập kiên vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê

xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận châp. Chủ trương ây là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biêt, không thây, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 118. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thuơng trú luân", chấp bản ngã và thế giới là thường tru với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 119. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "M0t phần thường tru luận, một phần vô thường luân", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 120. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận,\ chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 121. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện man". Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm [của các căn]. 122. Này các Tỷ-kheo5 ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận,\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 123. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về qua khư toi sơ, chap kiên ve qua khứ toi sơ, y chỉ ve qua khư toi sơ, đe xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 124. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 125. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 126. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 127. Này các Tỷ-ldieo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận,\ chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 128. Này các Tỷ-kheo, ở đây có

những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

30 KINH TRƯỜNG Bộ

"Hiện tại Niết-bàn luận,\ chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 129. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chập kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 130. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tôi sơ, luận bàn vê tương lai, luận bàn vê quá khứ tôi sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ ’ < . A e 9 về 9 quá khứr tối sơ và tương lai, đề *-7

xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận châp. Chủ trương ây phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 131. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thuơng trú luận9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Những vi này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 132. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương uMột phần thường trú luận, một phần vô thường man", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạnệ hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận châp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 133. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luan9\ chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 134. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Nguy biện luận,9. Khi bị hỏi vân đê này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vi này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 135. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "V6 nhân luận5\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có the cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 136. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ; y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiêu ý kiến sai khác với mười tám luận châp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 137. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 138. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

1. KINH PHẠM VÕNG 31

"V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 139. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết”chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau

khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 140. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-mon hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận,5? chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 141. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận”? chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vi này không có the cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 142. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, châp kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 143. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn vê quá khứ tôi sơ và tương lai, chân kiên vê quá khứ tôi sơ và tương lai. y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 144. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thương trủ luân", chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương í4Một phân thường trú luận, một phân vô thường luan"... những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luan9\..; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận,\..; những Sa- môn, Bà-la-môn chủ trương "V6 nhân 111”...những Sa-môn5 Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết”... những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết''... những Sa-môn, Bà"la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết"... những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luān,\..; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận,\..; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai...; những Sa-môn5 Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Tất cả những vị này có những cảm thọ [những chủ trương trên] do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ. Do duyên những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát

khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. 145. Này các Tỷ-kheo? khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu xúc xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên. 146. Này các Tỷ-kheo? có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tôi sơ. hay luận bàn vê tương lai, hay luận bàn vê quá khứ tôi sơ và tương lai, châp kiên vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tôi sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bi hạn cuộc bao phủ ở nơi đây. Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghê hay người học đánh cá vung lưới có mắt sít sao trên mặt hồ nước nhỏ. Người ấy nghĩ: “Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có

nhảy vọt lên, chúng vẫn bi hạn cuộc bao phủ ở nơi dây." Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về ạuá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bi bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bi hạn cuộc bao phủ ở nơi đây. 147. Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến đời sông khác đã bị châm dứt. Khi thân của Như Lai còn tôn tại, thời chư thiên và loài người còn có the thay thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được. Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bi chặt dứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bi chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn ton tại, nhưng cái khiến đưa đen một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của Như Lai còn tồn tại, thời chư thiên và loài người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được. 148. Khi nghe nói vậy, Đại đức Ānanda bạch đức Thế Tôn: - Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn? Này Ānanda, pháp môn này gọi là "Lọi v6ng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là 'Tháp võng9\ hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm v6ng”hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiến võng,\ hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "V6 thượng chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì. 149. Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được tuyên thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.